TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày 20/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

**** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**
- *Các hội thẩm nhân dân:* **Ông Đinh Thế Cần**
Bà Phạm Thị Hương

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** **Bà Phạm Thị Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** **Ông Trần Viết Quyết** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/HSST-QĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Đinh Trọng T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1969 tại xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nơi thường trú: Tổ 5, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở: Thôn Hữu Đô Kỳ, xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Đinh Trọng H, sinh năm 1937 và bà Đinh Thị K (đã chết).

Vợ Lưu Thị V, sinh năm 1975; Có 2 con: Con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/12/2023, đến ngày 23/12/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình. Trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1991 *(vắng mặt)*

Đ chỉ: Khu B, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Chị Lường Thị L, sinh năm 1988 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn S, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái.
- Anh Vũ Đình S, sinh năm 1968 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.
- Anh Vũ Hoàng T1, sinh năm 1996 (*vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.
- Anh Phạm Văn P, sinh năm 1992 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
- Anh Trần Công T2, sinh năm 1999 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2.3. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1978 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.
- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
- Chị Lò Thị H2, sinh năm 1997 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Bản C, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.
- Chị Trần Thị Á, sinh năm 1973 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
- Anh Trần Viết T3, sinh năm 1972 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
- Ông Trần Đình H3, sinh năm 1963 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
- Chị Lưu Thị V, sinh năm 1975 *(có mặt)*
Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Trọng T làm nghề kinh doanh dịch vụ karaoke theo Giấy phép kinh doanh số 122/SVHTTDL-GP của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh T cấp ngày 30/01/2015; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 001180 do Phòng Tài chính kế hoạch huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 08/02/2012; mở quán hát đặt tên là karaoke Đức T4, địa chỉ số nhà C, Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Tháng 8/2023, T4 nhận 4 lao động nữ (không có hợp đồng lao động) gồm chị Lường Thị L, chị Nguyễn Thị O, chị Nguyễn Thị H1, và chị Lò Thị H2, vào

quán để làm nhân viên phục vụ, bấm bài, hát cùng khách. Thiêm chi trả tiền ăn ở và trả công cho nhân viên từ 100.000 đồng đến 120.000 đồng/giờ phục vụ. Do ít khách, đầu tháng 12/2023, T4 thỏa thuận thống nhất với từng nhân viên, nếu có khách mua dâm thì T4 sẽ báo cho nhân viên đi bán dâm với giá 300.000 đồng/người/lượt, trong đó, nhân viên được 200.000 đồng; còn T4 được 100.000 đồng. Việc bán dâm phải thông qua T4 và chỉ được thực hiện tại Nhà nghỉ 235 của anh Trần Viết T3 (người đứng tên chủ hộ kinh doanh), cách quán của T4 khoảng 100 mét, để dễ theo dõi. Khoảng 14 giờ, ngày 14/12/2023, T4 ở quầy lễ tân có anh Vũ Hoàng T1, anh Vũ Đình S và anh Nguyễn Văn L2 đến đặt phòng hát, yêu cầu 3 nhân viên. Thiêm bố trí phòng, gọi điện cho chị L, chị O và chị H1 xuống phòng hát phục vụ. Đến 15 giờ 30 phút dừng hát, chị L, chị H1 lên phòng riêng; chị O dọn phòng hát; anh L2 ra quầy thanh toán 2.000.000 đồng tiền hát cho T4 qua tài khoản ngân hàng. Cùng lúc này, anh T1 đặt vấn đề với T4 để anh T1 và anh S mua dâm 2 nhân viên L và O. Thiêm nói giá 300.000 đồng/người/lượt, thanh toán tiền cho nhân viên. Anh T1 đồng ý. Thiêm sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE màu trắng, tài khoản zalo "Đức Thiêm", sim thuê bao số 0962.018.188, gọi đến tài khoản zalo "Oanh N" của chị O nói có khách muốn mua dâm với chị O và chị L đồng thời chỉ vị trí Nhà nghỉ 235 cho anh T1 biết để thuê phòng mua dâm. Chị O đồng ý đi ra. Anh L2 chuyển 600.000 đồng tiền mua dâm của anh T1 và anh S vào số tài khoản 107878211973 của chị O mở tại Ngân hàng TMCP C (V1) và nhờ chị O chuyển lại cho chị L. Chị O lên phòng nói lại với chị L là đã nhận 300.000 đồng tiền mua dâm của khách. Chị L xuống đi trước cùng anh T1; chị O thay quần áo, cầm theo một bao su nhãn hiệu Water & lotus đi cùng anh S. Tới Nhà nghỉ 235, chị L gặp chị Trần Thị Á (vợ anh Trần Viết T3) và ông Trần Đình H3 người được giao quản lý nhà nghỉ đứng ở quầy lễ tân, hỏi thuê phòng. Ông H3 bảo chị L lên phòng 203. Chị L nhặt một bao cao su nhãn hiệu Vip trong giỏ để ở mặt quầy lễ tân rồi lên phòng cùng anh T3. Anh S vào hỏi thì được ông H3 chỉ dẫn lên phòng 204. Anh S lên trước chị O đi theo sau. Vào các phòng, anh T3, chị L, anh S, chị O tự cởi quần áo, vệ sinh cá nhân rồi lên giường nằm ôm, sờ bộ phận sinh dục của nhau. Đến 16 giờ 05 phút, khi chị L vừa xé bao cao su để quan hệ tình dục với anh T3; chị O và anh S nằm ôm nhau trên giường thì bị Tổ công tác của Công an huyện Q vào kiểm tra phát hiện. Tổ công tác đã lập biên bản vụ việc, quản lý 01 bao cao su và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Vip tại phòng 203; 01 bao cao su chưa sử dụng, nhãn hiệu Water & lotus tại phòng 204. Chị L, chị O, anh T3, anh S khai mua bán dâm theo môi giới của T4. Tổ công tác đã đưa những người mua bán dâm và triệu tập Đinh Trọng T đến Công an huyện Q làm việc. Tại đây, T đã khai nhận toàn bộ hành vi môi giới mại dâm, đồng thời giao

nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE màu trắng, số thuê bao 0962.018.188 cho Cơ quan điều tra quản lý. Số tiền bán dâm 600.000 đồng, chị O nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, theo biên lai số 0003060 ngày 16/01/2024.

Cùng ngày, khám xét khẩn cấp quán K1, ở số nhà C, Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, Cơ quan điều tra thu tại phía sau két sắt quầy lễ tân (tầng 1) 01 thanh kiếm dài 45cm, cán gỗ dài 15 cm, lưỡi kim loại rộng 03 cm, mũi nhọn; khám xét khẩn cấp nơi ở của Đinh Trọng T tại thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình thu giữ 01 quyển vở 13 tờ, bìa xanh, nhãn hiệu Hải Tiến, có 05 tờ ghi nội dung các khoản tiền cho vay với lãi suất cao. Kết quả điều tra xác định, từ tháng 6/2022 đến tháng 10/2023, Đinh Trọng T nhiều lần cho nhiều người vay với lãi suất từ 108%/năm đến 360%/năm, gấp từ 5,4 lần đến 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính, cụ thể:

Ngày 02/6/2022, khi T ở quán thì anh Trần Công T2 đến hỏi vay số tiền 3.000.000 đồng tiêu dùng cá nhân. Thiêm nói lãi suất 5.000 đồng/triệu đồng/ngày, tương đương 180%/năm, thanh toán vào ngày trùng của tháng sau, mỗi tháng tính tròn 30 ngày. Anh T5 đồng ý. Thiêm xem chứng minh thư nhân dân của anh T5; ghi thời gian, họ tên, nơi ở (xã), số tiền anh T5 vay vào trang số 1 quyển vở, rồi đưa anh T5 3.000.000 đồng. Sau một tháng, do chưa có tiền trả nên anh T5 xin khất nợ đến tháng sau thanh toán cả tiền vay và lãi vay. Thiêm đồng ý. Đến hẹn, anh T5 đến gặp T đề nghị giảm lãi suất xuống 3.000 đồng/triệu đồng/ngày, tương đương 108%/năm (gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự). Thiêm đồng ý. Theo đó, anh T5 phải trả cho T số tiền gốc và lãi trong 2 tháng là 3.540.000 đồng. Anh T5 đưa cho T 3.500.000 đồng, còn 40.000 đồng, T cho anh T5. Như vậy, số tiền lãi Thiêm thu được là 500.000 đồng; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.000.000 đồng x 20%/12 tháng x 2 tháng = 100.000 đồng; số tiền T thu lợi bất chính là 400.000 đồng.

Ngày 07/6/2022, T đang ở quán thì anh Phạm Văn P đến hỏi vay 5.000.000 đồng tiêu dùng cá nhân. Thiêm nói lãi suất 10.000 đồng/triệu đồng/ngày (=360%/năm, gấp 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự) và cắt lãi đầu kỳ (tại thời điểm cho vay) số tiền 1.500.000 đồng. Anh P đồng ý. T yêu cầu anh P viết giấy vay tiền; còn T ghi vào vở thời gian, họ tên, nơi ở (xã), số điện thoại, số tiền anh P vay vào trang số 3, sử dụng ứng dụng Internet banking trên điện thoại di động của T chuyển 3.500.000 đồng từ tài khoản số 8500118118118 của Thiêm mở tại Ngân hàng TMCP Q (M) vào tài khoản số 0984826069 của anh P mở tại Ngân hàng M. Ngày 07/7/2023, anh P đến trả cho T 5.000.000 đồng tiền vay. Thiêm lấy tờ giấy vay tiền của anh P

gạch chéo rồi tiêu hủy. Ngày 16/6/2022, anh P tiếp tục đến gặp T hỏi vay 10.000.000 đồng tiêu dùng cá nhân. Thiêm nói lãi suất 10.000 đồng/triệu đồng/ngày (tương đương lãi suất 360%/năm, gấp 18 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự), thanh toán vào ngày trùng của tháng sau, cắt lãi đầu kỳ 3.000.000 đồng. Anh P đồng ý. Thiêm ghi vào vở thời gian, họ tên, nơi ở (xã), số điện thoại, số tiền anh P vay vào trang số 4, rồi sử dụng số tài khoản ngân hàng nêu trên chuyển đến số tài khoản của anh P 7.000.000 đồng. Đến kỳ thanh toán tháng tiếp theo, anh P đến trả cho T 10.000.000 đồng tiền vay. Như vậy, tổng số tiền 2 lần T cho anh P vay là 15.000.000 đồng; tổng số tiền lãi Thiêm thu được là 4.500.000 đồng; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 15.000.000 đồng x 20%/12 tháng = 250.000 đồng; số tiền T thu lợi bất chính là 4.250.000 đồng.

Ngày 07/6/2022, T đang ở quán thì bà Nguyễn Thị L1 đến hỏi vay 20.000.000 đồng để mở quán ăn. Thiêm nói lãi suất 5.000 đồng/triệu đồng/ngày (tương đương 180%/năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự), thanh toán lãi vay 3.000.000 đồng/tháng vào ngày trùng của tháng tiếp theo. Bà L1 đồng ý. Thiêm ghi vào vở thời gian, họ tên, nơi ở (xã), số điện thoại, số tiền bà L1 vay vào trang số 2 rồi đưa cho bà L1 20.000.000 đồng. Ngày 23/6/2023, bà L1 tiếp tục đến gặp T hỏi vay 30.000.000 đồng với mức lãi suất như khoản vay trước. Thiêm ghi vào vở thời gian, họ tên, nơi ở (xã), số tiền bà L1 vay vào trang số 5 rồi đưa cho bà L1 30.000.000 đồng. Tiền lãi của khoản vay này là 4.500.000 đồng/tháng. Tổng số tiền lãi của hai khoản vay là 7.500.000 đồng/tháng được bà L1 thanh toán đều đặn vào ngày 07 và ngày 23 hằng tháng. Tổng số tiền lãi T thu đến hết tháng 01/2023 là 52.500.000 đồng. Tháng 02/2023, bà L1 đề nghị T giảm mức lãi suất của cả hai khoản vay xuống 3.500 đồng/triệu đồng/ngày (tương đương 126%/năm, gấp 6,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự) và trả lãi tùy nghi vào ngày bất kỳ trong tháng, nếu thừa thì trừ vào tiền lãi phải trả của tháng tiếp theo. Thiêm đồng ý. Từ tháng 02/2023 đến tháng 10/2023, bà L1 thanh toán lãi của hai khoản vay cho T nhiều lần bằng tiền mặt với tổng số tiền 45.500.000 đồng. Tháng 11/2023, do kinh doanh khó khăn, bà L1 đề nghị trả tiền vay cho T vào sau tết và không tiếp tục tính lãi vay. Thiêm đồng ý. Đến nay, bà L1 chưa trả Thiêm số tiền vay 50.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi Thiêm thu từ 2 khoản vay là 98.000.000 đồng; mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 50.000.000 đồng x 20%/12 tháng x 16 tháng = 13.333.333 đồng; số tiền T thu lợi bất chính là 84.666.667 đồng (trong đó: khoản vay 20.000.000 đồng thu lợi bất chính 33.866.667 đồng; khoản vay 30.000.000 đồng thu lợi bất chính 50.800.000 đồng).

Tổng số tiền Đinh Trọng T cho 3 người vay là 68.000.000 đồng; số tiền lãi Thiêm thu được là 103.000.000 đồng; tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.683.333 đồng; số tiền T thu lợi bất chính là 89.316.667 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Đinh Trọng T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân đã tác động đến gia định nộp số tiền 65.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ để khắc phục hậu quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 53/CT-VKSQP ngày 24/5/2024 đã truy tố, hành vi của bị cáo Đinh Trọng T đủ yếu tố cấu thành tội: "*Môi giới mại dâm*" và tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về áp dụng điều luật và hình phạt:

+ Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 3 năm đến 3 năm 3 tháng tù; phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, 36, Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Trọng T mức án từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, quy đổi mức án cải tạo không giam giữ thành 6 tháng tù đến 8 tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 3 năm 6 tháng đến 3 năm 11 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ - 14/12/2023. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tiền bổ sung cho cả hai tội là từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

+ Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng (tại biên lai số 3060, ngày 16/01/2024 của chi cục T7) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE màu trắng; Buộc bị cáo nộp lại số tiền 31.683.333 đồng, gồm 18.000.000 đồng tiền cho vay và 13.683.333 đồng tiền lãi vay theo mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự để sung vào ngân sách nhà nước; Buộc bị cáo nộp lại 89.316.667 đồng tiền thu lợi bất chính để trả cho anh Trần Công T2 400.000; trả cho anh Phạm Văn P 4.250.000 đồng và trả cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 84.666.667 đồng(Tổng số tiền bị cáo phải nộp lại là 171.000.000 đồng); Buộc bà Nguyễn Thị L1 phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Chuyển số tiền 65.000.000 đồng tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền thi hành án cho bị cáo.

- Ngoài ra, còn đề nghị HĐXX xem xét về vật chứng, án phí của vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Đinh Trọng T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Đinh Trọng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã mô tả. Phù hợp với biên bản vụ việc; biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 16 giờ 15 phút, 17 giờ 20 phút, 17 giờ 25, 17 giờ 35 và 17 giờ 40 phút ngày 14/12/2023, tại Nhà nghỉ B, địa chỉ: Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 09 giờ 15 phút ngày 17/12/2023, tại Nhà nghỉ B, Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Các biên bản khám xét do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 20 giờ 10 phút, 22 giờ ngày 14/12/2023, tại quán K1, số nhà C, Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình và chỗ ở của Đinh Trọng T, tại thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; Bản kết luận giám định số 179/KL-KTHS ngày 03/4/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T (về chữ viết thông tin các khoản vay nợ trên quyển vở thu khi khám xét chỗ ở của Đinh Trọng T) kết luận: "*Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 so với chữ viết của Đinh Trọng T trên các mẫu so sánh từ M1 đến M12 do cùng một người viết ra"*; Công văn số 28/CV-CNTHB-TH ngày 22/01/2024 của ngân hàng V1 và bản sao kê tài khoản số 107878211973 của chị Nguyễn Thị O thể hiện 01 giao dịch nhận 600.000

đồng từ tài khoản của anh Nguyễn Văn L2 vào hồi 15:39:07 ngày 14/12/2023; Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 18 giờ 10 phút, ngày 14/12/2023; Biên bản kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Iphone SE quản lý của Đinh Trọng T lập hồi 19 giờ 20 phút ngày 14/12/2023, tại Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình; Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 19 giờ 10 phút, ngày 14/12/2023; biên bản kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Iphone 8Plus của chị Nguyễn Thị O lập hồi 19 giờ 20 phút ngày 14/12/2023, tại Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình; Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 21 giờ 10 phút, ngày 14/12/2023 kèm theo 2 bản sao giao dịch chuyển khoản ngân hàng của anh Nguyễn Văn L2 thể hiện 2 giao dịch chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản của Đinh Trọng T hồi 15:31:18 ngày 14/12/2023 và 600.000 đồng vào tài khoản của chị Nguyễn Thị O hồi 15:39:07 ngày 14/12/2023; Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 15 giờ 40, ngày 06/5/2024, kèm theo bản sao kê tài khoản số 0984826069 của anh Phạm Văn P mở tại ngân hàng M thể hiện 2 giao dịch nhận 3.500.000 đồng và 7.000.000 đồng từ tài khoản của Đinh Trọng T vào ngày 07/6/2022 và ngày 16/6/2022; Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 09 giờ 15 phút ngày 17/12/2023, tiếp nhận của bà Nguyễn Thị L1 01 tờ giấy thếp ghi thông tin về thời gian vay tiền, số tiền vay và thanh toán tiền lãi vay cho Đinh Trong T6; Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị O, chị Lường Thị L, anh Vũ Đình S, anh Vũ Hoàng T1; Lời khai của anh Phạm Văn P, bà Nguyễn Thị L1, anh Trần Công T2 đều thể hiện: "Đề nghị được xin lại số tiền do bị cáo T6 thu lời vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự, việc họ vay đều sử dụng mục đích chi tiêu cá nhân không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp"; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Văn L2, chị Nguyễn Thị H1, chị Lò Thị H2, chị Trần Thị Á, anh Trần Viết T3, ông Trần Đình H3, chị Lưu Thị V cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 14/12/2023, tại quán K1, ở số nhà C, Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Đinh Trọng T đã có hành vi làm trung gian, dẫn dắt để 02 nữ nhân viên của quán là chị Nguyễn Thị O và chị Lường Thị L mua, bán dâm với anh Vũ Đình S và anh Vũ Hoàng T1, tại các phòng 203 và 204 Nhà nghỉ 235 của anh Trần Viết T3, ở Tổ E, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, do ông Trần Đình H3 là người được giao quản lý, đã thu 600.000 đồng tiền bán dâm, nhằm thu lợi bất chính 200.000 đồng, bị Công an huyện Q phát hiện, thu giữ vật chứng. Ngoài ra, từ tháng 6/2022 đến tháng 10/2023, Đinh Trọng T cho 03 người là anh Trần Công T2, anh Phạm Văn P và

bà Nguyễn Thị L1 vay tổng số tiền 68.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 108%/năm đến 360%/năm, gấp từ 5,4 lần đến 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự, thu số tiền lãi 103.000.000 đồng; số tiền lãi cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự 13.683.333 đồng; số tiền T thu lợi bất chính 89.316.667 đồng. Trong đó: có 2 lần T cho bà L1 vay, thu lợi bất chính từ trên 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; các lần cho những người còn lại vay, T thu lợi bất chính số tiền dưới 30.000.000 đồng.

Vì vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Đinh Trọng T đã phạm vào tội: "*Môi giới mại dâm*", quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự và tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã truy tố là có căn cứ, đúng người đúng pháp luật.

"Điều 328. Tội môi giới mại dâm

1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

đ) Đối với 02 người trở lên; ...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

"Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Đối với hành vi môi giới mại dâm đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục của dân tộc, làm suy đồi đạo đức xã hội. Đối với hành vi cho vay nặng lại của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích

của công dân nhằm thu lợi bất chính. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đối với tội: *"Môi giới mại dâm"* và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với tội: "*cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[2.3] Khi xem xét, cân nhắc hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ:

- Về tình tiết tăng nặng: Đối với tội: "*Môi giới mại dâm*" bị cáo Đinh Trọng T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", bị cáo Đinh Trọng T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội 02 lần trở lên*" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; Bố đẻ của bị cáo là người có công nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội. Đối với tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", ngày 19/6/2024 bị cáo đã tác động đến gia đình nộp số tiền 65.000.000 đồng vào Cơ quan thi hành án dân sự để khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đối với bị cáo là phù hợp.

[2.4] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 328 và khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự đều quy định hình phạt bổ sung. Xét thấy, cả hai tội bị cáo đều vì mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đối với bị cáo là phù hợp.

[2.5] Trong vụ án này:

- Anh Trần Viết T3, chị Trần Thị Á và ông Trần Đình H3 là chủ hộ kinh doanh, quản lý Nhà nghỉ 235, kết quả điều tra, thẩm vấn tại phiên tòa xác định, cả 3 người đều không có mối quan hệ; không biết chị Nguyễn Thị O, chị Lường Thị L, anh Vũ Đình S và anh Vũ Hoàng T1 thuê phòng để mua bán dâm; giữa Đinh Trọng T với anh Trần Viết T3, chị Á, ông H3 không có sự bàn bạc, trao đổi, thống nhất việc để nhân viên quán hát của T đến bán dâm cho khách tại Nhà nghỉ; không biết T làm trung gian dẫn dắt việc mua bán dâm, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với những người này. Đối với hành vi không thực hiện việc đăng ký lưu trú của Nhà nghỉ 235 và hành vi mua bán dâm của chị O, chị L, anh S, anh T3, Công an huyện Q đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với thanh kiếm dài 45cm, cán gỗ dài 15cm, lưỡi kim loại rộng 03cm, mũi nhọn (loại vũ khí thô sơ), thu giữ khi tiến hành khám xét quán K1, bị cáo Đinh Trọng T khai nhặt được ở đường xã Q, huyện Q mang về để ở sau két sắt quầy lễ tân của quán. Bị cáo T không có tiền án, tiền sự về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T và tịch thu, tiêu hủy thanh kiếm.

**** Về biện pháp tư pháp:*** Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Đối số tiền gốc bị cáo cho anh Trần Công T2 và anh Nguyễn Văn P1 vay là 18.000.000 đồng, anh T2 và anh P1 đã trả cho bị cáo buộc bị cáo T phải nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự bị cáo T đã thu của anh T2 100.000 đồng; anh P1 là 250.000 đồng và của bà L1 13.333.333 đồng. Buộc bị cáo phải nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc bị cáo T cho bà Nguyễn Thị L1 vay là 50.000.000 đồng, hiện bà L1 chưa trả cho bị cáo T. Buộc bà L1 phải nộp lại số tiền này để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo T đã thu của anh T2 là: 400.000 đồng; bà L1 là 84.666.667 đồng và anh P1 là 4.250.000 đồng. Kết quả điều tra thể hiện họ đi vay để chi tiêu vào việc chính đáng và đề nghị được xin lại số tiền bị cáo T đã thu nên buộc bị cáo T phải nộp lại để trả cho anh T2, anh P1 và bà L1.

- Ngày 19/6/2024, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 65.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình để khắc phục hậu quả được đối trừ vào số tiền bị cáo phải nộp để nộp ngân sách nhà nước và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] ***Về vật chứng:*** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 600.000 đồng là tiền mua bán dâm, chị Nguyễn Thị O đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, theo biên lai số 0003060 ngày 16/01/2024 cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE màu trắng thu của bị cáo Đinh Trọng T là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 bao cao su và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Vip; 01 bao cao su chưa sử dụng, nhãn hiệu Water & lotus (được niêm phong) và chiếc sim có số thuê bao 0962.018.188 thu của bị cáo T không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Q và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 24/5/2024.

[4] ***Về án phí và quyền kháng cáo:***

- Về án phí: Bị cáo Đinh Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Trọng T phạm tội: "*Môi giới mại dâm*" và tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

2. Áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Trọng T: **03** *(ba)* năm tù, về tội: "*Môi giới mại dâm*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 14/12/2023.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 *(mười triệu)* đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Trọng T: **01** *(một)* năm **06** *(sáu)* tháng cải tạo không giam giữ, về tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 *(ba mươi triệu)* đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự quy đổi: **01** *(một)* năm **06** *(sáu)* tháng cải tạo không giam giữ, về tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" thành **06** *(sáu)* tháng tù. Buộc bị cáo Đinh Trọng T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là: **03** *(ba)* năm **06** *(sáu)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 14/12/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo phải nộp tiền phạt bổ sung cho cả hai tội là: 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền 31.683.333 đồng, gồm 18.000.000 đồng tiền cho anh T2 và anh P1 vay và 13.683.333 đồng tiền lãi vay theo mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Đinh Trọng T phải nộp lại tổng số tiền 89.316.667 *(tám mươi chín triệu ba trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bẩy)* đồng để trả lại cho anh Trần Công T2, sinh năm 1999 - Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình số tiền 400.000 đồng; Anh Phạm Văn P, sinh năm 1992 - Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình số tiền 4.250.000 đồng; Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962 - Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình số tiền 84.666.667 đồng.

Tổng số tiền bị cáo T phải thi hành là (31.683.333 đồng + 89.316.667 đồng) = 121.000.000 đồng, chuyển số tiền 65.000.000 đồng bị cáo T đã nộp tại biên lai số 0003129 ngày 19/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền bị cáo phải thi hành án và được đối trừ vào khoản tiền bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước 31.683.333 đồng và khoản tiền bị cáo phải trả cho các cá nhân trên là 84.666.667 đồng. Bị cáo T phải tiếp tục nộp số tiền 56.000.000 đồng để trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Buộc bà Nguyễn Thị L1 phải nộp lại số tiền 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 *(sáu trăm nghìn)* đồng là tiền mua bán dâm, chị Nguyễn Thị O đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, theo biên lai số 0003060 ngày 16/01/2024.

- Tịch thu hóa giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE màu trắng thu của bị cáo Đinh Trọng T để nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bao cao su và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Vip; 01 bao cao su chưa sử dụng, nhãn hiệu Water & lotus và sim số thuê bao 0962.018.188 không còn giá trị sử dụng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Bị cáo Đinh Trọng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Đinh Trọng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/6/2024). Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *Sở tư pháp Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *Cơ quan điều tra, Cơ quan THAHS Công an huyện Quỳnh Phụ;*
- *Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Thành